

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ Điều 55, Điều 57, Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84, Điều 116, Điều 117,
Điều 118, Điều 119 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;
Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;
Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường
vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ
phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 653/2020/HNST ngày 14 tháng 8 năm
2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau
đây:

- *Người yêu cầu:* Ông Vũ Hoài N sinh năm: 1979

HKTT: 617 lô B, chung cư SVH, Phường 9, Quận 5, Tp. HCM.

Địa chỉ: 93 Khuông Việt, phường PT, quận TP, Tp. HCM

- *Người yêu cầu:* Bà Ngô Cao Ngọc Đ, sinh năm: 1979

Địa chỉ: 93 Khuông Việt, phường PT, quận TP, Tp. HCM.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Vũ Hoài N và bà Ngô Cao Ngọc Đ tự nguyện chung
sống và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn TB, tỉnh TN (nay là phường TB, thị xã TB,
tỉnh TN).

Thời gian đầu sau khi kết hôn, ông bà chung sống hạnh phúc nhưng từ năm 2016 giữa
hai bên bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Hai bên đã cố gắng để hàn gắn cuộc sống gia đình
nhưng không có kết quả, nay ông bà mong tòa giải quyết cho hai bên được thuận tình ly
hôn.

[2] Về quan hệ con chung: Hai bên xác nhận có 02 con chung tên là Vũ Ngô Hoài P,
sinh ngày 14/11/2006 và Vũ Ngô Mai P2, sinh ngày 08/6/2011. Sau khi ly hôn, hai bên
đồng ý giao con cho bà Đ nuôi dưỡng, hàng tháng ông N có trách nhiệm cấp dưỡng cho 02
con, cụ thể như sau: Vào ngày 10 tây hàng tháng ông N có trách nhiệm cấp dưỡng

10.000.000 đồng cho bé Hoài P1, vào ngày 20 tây hàng tháng ông có trách nhiệm cấp dưỡng 10.000.000 đồng cho bé Mai P2. Việc cấp dưỡng được thực hiện cho đến khi con chung trưởng thành.

[3] Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận. Về nợ chung: Không có.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân ông Vũ Hoài N và bà Ngô Cao Ngọc Đ thuận tình ly hôn.

Quan hệ hôn nhân giữa ông Vũ Hoài N và bà Ngô Cao Ngọc Đ điệp chấm dứt kể từ ngày bản án, quyết định ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Giấy chứng nhận kết hôn 02, quyển số 01/2005 ngày 10/01/2005 do UBND thị trấn TB, tỉnh TN (nay là phường TB, thị xã TB, tỉnh TN) cấp cho ông bà không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Có 02 con chung là cháu Vũ Ngô Hoài P1, sinh ngày 14/11/2006 và Vũ Ngô Mai P2, sinh ngày 08/6/2011. Hai bên thống nhất giao con chung cho bà Đ trực tiếp nuôi dưỡng, hàng tháng ông N có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con, cụ thể như sau:

+ Vào ngày 10 tây hàng tháng ông N cấp dưỡng 10.000.000 đồng cho trẻ Vũ Ngô Hoài P1.

+ Vào ngày 20 tây hàng tháng ông N cấp dưỡng 10.000.000 đồng cho trẻ Vũ Ngô Mai P2.

Việc cấp dưỡng được thực hiện cho đến khi con chung lần lượt trưởng thành.

Trong trường hợp ông N không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng, bà Đ có thể nộp đơn lên cơ quan Thi hành án có thẩm quyền để yêu cầu thi hành. Kể từ thời điểm bà Đ nộp đơn yêu cầu, nếu ông N không thực hiện thì hàng tháng ông N còn phải chịu thêm khoản tiền lãi tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành.

Khi có lý do chính đáng mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi.

Trong trường hợp bà Đ không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì trên cơ sở lợi ích của con, bà Đ, ông N hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

ông N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trường hợp ông N lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà Đ có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

- Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận.

- Về nợ chung: Không có.

2. Về lệ phí tòa án: Lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng do ông N và bà Đ chịu, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu số 0070808 ngày 14 tháng 8 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú. Ông N và bà Đ đã nộp đủ.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận Tân Phú;
- Chi cục THADS quận Tân Phú;
- UBND P. Trảng Bàng, Tx. Trảng Bàng, T. Tây Ninh;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ việc.

THẨM PHÁN

Phùng Thị HM